

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/KDTM-ST
Ngày 05-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 41/2020/TLST- KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV TMDV Vận tải Đ; trụ sở: Số 67 Đường số 6, khu tái định cư Đ, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Hùng C; địa chỉ liên hệ: Công ty tư vấn luật Ph, số 128, đường số 9, khu trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2020). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Ng; trụ sở: Số 29/50/4B đường Đ, Phường A, quận Ph, Thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH MTV TMDV vận tải Đ (gọi tắt là Công ty Đ) ông Mai Hùng C trình bày: Ngày 01/4/2019, Công ty Đ ký kết hợp đồng thuê xe tải trộn Bê tông số 01-04/DPC-NDH/2019 với Công ty TNHH Ng (gọi tắt là Công ty Ng) - Chi nhánh Bình Dương. Theo đó, Công ty Đ

cho Công ty Ng thuê xe tải trộn bê tông và vận chuyển bê tông đã trộn đến công trình do Công ty Ng chỉ định. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng nhưng Công ty Ng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền theo thỏa thuận. Ngày 01/12/2019, Công ty Đ và Công ty Ng đã thanh lý hợp đồng thuê xe. Theo biên bản thỏa thuận và xác nhận nợ tính đến ngày 02/01/2020, Công ty Ng còn nợ Công ty Đ tổng số tiền 714.908.153 đồng. Công ty Ng sẽ thanh toán bằng hai đợt: Đợt 1: Ngày 18/01/2020 thanh toán 529.334.153 đồng; Đợt 2: Ngày 28/3/2020 thanh toán 185.574.000 đồng. Đến 15/6/2020, Công ty Ng vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ và còn nợ Công ty Đ số tiền 564.908.153 đồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày 05/02/2021, Công ty Ng đã thanh toán cho Công ty Đ số tiền 390.000.000 đồng. Trong một khoảng thời gian rất dài nhưng Công ty Ng vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Công ty Đ. Tại phiên tòa, Công ty Đ yêu cầu Công ty Ng phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ còn lại là 174.907.153 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tương ứng với số tiền gốc và thời gian chậm thanh toán từ ngày 28/3/2020. Lãi suất chậm thanh toán là 1,5%/tháng (tương ứng 0,05%/ngày), số tiền lãi suất tính đến ngày 05/3/2021 là 67.538.714 đồng.

Công ty Đ yêu cầu Công ty Ng tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền gốc chậm trả kể từ ngày 06/02/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Quá trình tố tụng, bị đơn Công ty Ng đã được Tòa án thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào các ngày 05/02/2021 và ngày 05/3/2021 nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty TNHH Ng được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Công ty TNHH Ng có trụ sở tại: Số 29/50/4B đường Đ, Phường A, quận Ph, Thành phố H. nhưng tại Điều 4 của Biên bản thỏa thuận và xác nhận nợ ngày 03/01/2020, quy định: “...*Nếu Công ty TNHH Ng không trả nợ đầy đủ và đúng hạn thì Công ty TNHH MTV TM DV vận tải Đ sẽ tiến hành khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương...*”. Công ty TNHH MTV TM DV vận tải Đ có trụ sở tại Số 67 Đường số 6, khu tái định cư Đông Hòa, khu phố Tây A, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Như vậy, các đương sự

trong vụ án đã thỏa thuận chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH MTV TM DV vận tải Đ là ông Mai Hùng C có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Công ty TNHH Ng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa các ngày 05/02/2021 và 05/3/2021 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 01/4/2019, Chi nhánh Công ty TNHH Ng tại Bình Dương và Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải Đ ký kết hợp đồng thuê xe tải trộn bê tông số 01-04/DPC-NDH/2019. Nguyên đơn cho rằng, quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán chi phí dịch vụ nên khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Hợp đồng thuê xe tải trộn bê tông số 01-04/DPC-NDH/2019 ngày 01/4/2019 được ký kết giữa Chi nhánh Công ty TNHH Ng tại Bình Dương và Công ty TNHH MTV TM DV vận tải Đ. Theo đó, Công ty Đ cho Công ty Ng thuê xe tải trộn bê tông và vận chuyển bê tông đã trộn đến công trình do Công ty Ng chỉ định; đồng thời Công ty Ng phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán chi phí dịch vụ. Sau khi Hợp đồng thuê xe tải trộn bê tông số 01-04/DPC-NDH/2019 ngày 01/4/2019 được thực hiện xong thì nguyên đơn và bị đơn đã ký với nhau bản Thanh lý hợp đồng thuê xe số 01-01/TLHD/DPC-NDH/2019 ngày 01/12/2019, theo đó hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê xe tải trộn bê tông số 01-04/DPC-NDH/2019 ngày 01/4/2019 kể từ ngày 01/12/2019. Tại Điều 2 Thanh lý hợp đồng ghi rõ: “2.1. Bên B (Công ty Đ) đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng thuê xe tải trộn bê tông với bên A (Công ty Ng) và không còn nghĩa vụ gì trong hợp đồng thuê xe tải trộn bê tông với bên A. 2.2. Bên A có nghĩa vụ thanh toán số tiền cước vận chuyển hàng tháng còn lại cho bên B (cụ thể số tiền còn lại của cước vận chuyển tháng 8,9,10, 11 năm 2019)...”. Ngày 03/01/2020, Công ty Đ và Công ty Ng đã ký biên bản thỏa thuận và xác nhận nợ với những thỏa thuận sau: Tổng số tiền nợ là 714.908.153 đồng; thực hiện thanh toán hai đợt: Đợt 1, ngày 18/01/2020 trả 529.334.153 đồng; đợt 2, ngày 28/3/2020 trả 185.574.000 đồng. Thực hiện thỏa thuận này, cho đến trước ngày nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng, số tiền còn lại là 564.908.153 đồng. Sau khi nguyên đơn khởi kiện bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền tính đến ngày 05/02/2021 là 390.000.000 đồng. Số tiền còn phải thanh toán là 174.907.153 đồng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên. Quá trình tố tụng bị đơn đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình về việc không thừa nhận chữ ký, mộc dấu của mình trong các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp; đồng thời bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên

nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền còn lại 174.907.153 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn một trăm năm mươi ba đồng) là có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Xem xét yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng thuê xe tải trộn bê tông quy định: “...*Thanh toán tiền cho Bên B đúng như thỏa thuận. Trường hợp chậm thanh toán tiền thì phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả....*”. Tại Biên bản cam kết ngày 31/7/2020 của ông H là người đại diện theo pháp luật của Công ty Ng có nội dung: “...*Công ty TNHH Một thành viên Thương Mại Dịch Vụ Vận tải Đ có quyền tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền nợ trên theo mức lãi suất 1,5%/tháng...tương ứng với toàn bộ thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 28/3/2020...*”. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Sau khi chậm thực hiện nghĩa vụ của mình bị đơn đã cam kết chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 1,5%/tháng, thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 28/3/2020. Việc thỏa thuận về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, mức lãi suất 1,5%/tháng và thời gian tính lãi từ ngày 28/3/2020; thể hiện sự tự nguyện của các bên, không trái đạo đức và không trái pháp luật nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Vì vậy, yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng nên có căn cứ chấp nhận.

Mức lãi suất được áp dụng là 1,5%/tháng (tương đương 0,05%/ngày). Bị đơn không cung cấp lời khai, không cung cấp chứng cứ về việc đã thanh toán nên lãi suất chậm thanh toán được tính từ ngày 28/3/2020 và được tính giảm dần theo số tiền gốc và thời gian đã thanh toán theo xác định của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Stt	Dư nợ gốc (VNĐ)	Ngày thanh toán	Số tiền thanh toán (VNĐ)	Thời gian tính lãi	Lãi chậm thanh toán (VNĐ) (0,05%/ngày)
1	564.908.153	10/7/2020	50.000.000	28/3/2020-10/7/2020	29.375.223
2	514.908.153	21/7/2020	30.000.000	11/7/2020-21/7/2020	2.831.994
3	484.908.153	03/8/2020	50.000.000	22/7/2020-03/8/2020	3.151.902
4	434.908.153	24/8/2020	50.000.000	04/8/2020-24/8/2020	7.393.438
5	384.908.153	16/9/2020	50.000.000	25/8/2020-16/9/2020	4.426.443
6	334.908.153	15/10/2020	50.000.000	17/9/2020-15/10/2020	4.856.168
7	284.908.153	16/11/2020	50.000.000	16/10/2020-16/11/2020	4.558.530
8	234.908.153	05/01/2021	50.000.000	17/11/2020-05/01/2021	5.755.249
9	204.908.153	07/01/2021	30.000.000	06/01/2021-07/01/2021	204.908

10	174.907.153	05/02/2021	30.000.000	08/01/2021-05/02/2021	2.536.153
11	174.907.153	00	00	06/02/2021-05/3/2021	2.448.700
Tổng cộng					67.538.714

Như vậy, tổng số tiền lãi suất chậm trả buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 05/3/2021 là 67.538.714 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm mười bốn đồng).

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 513, 519 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TMDV Vận tải Đ đối với Công ty TNHH Ng về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

- Buộc Công ty TNHH Ng phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV TMDV Vận tải Đ số tiền 242.445.867 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng).

Trong đó:

+ Tiền gốc là 174.907.153 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn một trăm năm mươi ba đồng).

+ Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 67.538.714 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm mười bốn đồng).

Lãi suất đối với số tiền chưa thanh toán là 174.907.153 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn một trăm năm mươi ba đồng) được tiếp tục tính kể từ ngày 06/3/2021 theo mức lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi Công ty TNHH Ng thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Ng phải nộp số tiền 12.122.293 đồng (mười hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn hai trăm chín mươi ba đồng).

- Trả lại cho Công ty TNHH MTV TMDV Vận tải Đ số tiền 13.298.000 đồng (mười ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019014 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân